HỌC VIỆN QUÂN Y **BỆNH VIỆN QUÂN Y 103**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc mua sắm hóa chất xét nghiệm tại Bệnh viện Quân y 103

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp hóa chất xét nghiệm

Trước hết Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của các đơn vị, nhà cung cấp với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện có nhu cầu mua sắm hóa chất xét nghiệm tại Bệnh viện Quân y 103. Để có cơ sở lập dự toán, kế hoạch mua sắm Bệnh viện kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp hàng hoá gửi báo giá về Bệnh viện Quân y 103 theo các thông tin sau:

1. Danh mục hàng hóa mời báo giá

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Nội dung báo giá

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

3. Thời gian nhận báo giá: Bắt đầu kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 04/4/2023 (hoặc khi nhận đủ báo giá theo quy định).

4. Phương thức báo giá: Báo giá gửi trực tiếp hoặc qua đường công văn, bưu điện.

5. Địa điểm nhận báo giá: Phòng thầu (TH2.145), Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 103.

Địa chỉ: số 261 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN QUÂN Y * BỆNH VIỆN QUÂN Y 103 *

Thiếu tướng Trần Viết Tiến

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT. H05.

Phụ lục I

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 21/3/2023 của Bệnh viện Quân y 103)

STT	Tên sản phẩm	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Quy cách tham chiếu	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật theo TT14/2020
1	Dung dịch hiệu chuẩn xét nghiệm Bilirubin	Được điều chế trong dung dịch huyết thanh bò. Nồng độ thông số được điều chỉnh với chiết xuất bilirubin và chất dẫn tổng hợp. Có chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	3x5ml	Hộp	N3
2	Dung dịch ICT tham chiếu	Sodium 5,8 mmol/L. Potassium 0,17 mmol/L. Chloride 4,17 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	2x2L	Hộp	N3
3	Cóng phản ứng	Vật tư tiêu hao dùng cho máy miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Thùng (4000 chiếc)	Thùng	Không phân nhóm
4	Dung dịch xúc tác	Dung dịch chứa sodium hydroxide 0,35 N. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Hộp/4x975mL	Hộp	N3
5	Định lượng Folate	- Phạm vi phân tích: 1–24,8 ng/mL (2,27–56,2 nmol/L) - Phương pháp xét nghiệm: thụ thể liên kết cạnh tranh - Thành phần: R1a: Protein gắn kết kháng thể đơn dòng của chuột kháng folate, các hạt thuận từ phủ kháng thể của dê kháng IgG của chuột, dung dịch đệm, albumin huyết thanh người (HSA) và 0,1% ProClin 300 R1b: 1M Ascorbate, 0,05N HCl, pH 5,5 R1c:Protein gắn kết folate trong sữa (của bò) trong dung dịch đệm, HSA và 0,1% ProClin 300 R1d: Chất cộng hợp axit folic – phophataza kiềm (bò) trong dung dịch đệm, HSA và 0,1% ProClin 300 R1e: K3PO4 0,6M.	Hộp 2x50test	Hộp	N1
6	Định lượng 25(OH) VitaminD	- Phạm vi phân tích: 2–210 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh hai bước - Thành phần: R1a: các hạt thuận từ Dynabeads phủ kháng thể cừu đơn dòng kháng vitamin D 25(OH) được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, IgG dê, albumin huyết thanh bò (BSA),< 0,1% natri azit và 0,1% Proclin 300 R1b: Axit formic, Poly (vinyl alcohol) và 0,1% ProClin 300 R1c: Axit formic, Poly (vinyl alcohol) và 0,1% ProClin 300 R1d: Chất cộng hợp chất tương tự vitamin D – phophataza kiềm, ACES, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp 2x50test	Hộp	N1

STT	Tên sản phẩm	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Quy cách tham chiếu	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật theo TT14/2020
7	Điịnh lượng I PTH	- Phạm vi phân tích: 1–3500 pg/mL (0,1-371 pmol/L) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể của dê kháng PTH được huyền phù hóa trong dung dịch muối đệm TRIS có albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có ACE chặn, protein (của chuột, dê), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. R1c: Chất cộng hợp kháng thể đơn dòng của chuột kháng PTH – phosphatase kiềm trong dung dịch muối đệm ACES có BSA, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300.	Hộp 2x50test	Hộp	N1
8	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate ; dải đo: 0.22-13.32 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Lactate oxidase ≥ 0.2 kU/L; Peroxidase ≥ 1 kU/L; 4-aminoantipyrine 0.1 mmol/L; TOOS* ≥ 0.3 mmol/L;	Hộp 4x10mLR1+4 xlyo	Hộp	N3
9	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Được sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng Hba1C theo nguyên lí ái lực (affinity) - Bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng - Thành phần: Máu toàn phần.	Hộp 2x500µl	Hộp	N1
10	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng Glycerated Hemoglobin - Bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng.	Hộp 2x500µl	Hộp	N1
11	Chất chuẩn OV Monitor	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2.000 và 5.000 U/mL, trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300	Hộp 6x2.5mL	Hộp	N1
12	Chất chuẩn Thyroglobulin	- Thành phần: S0: Dung dịch đệm HEPES có albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa thyroglobulin: S1, S2, S3, S4, S5: Thyroglobulin người ở các nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 250 và 500 ng/mL, trong dung dịch đệm HEPES có BSA, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300	Hộp 6x2mL	Hộp	N1
13	Chất chuẩn Thyroglobulin Antibody II	- Thành phần: S0: Huyết thanh người với < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa kháng thể thyroglobulin: S1,S2,S3,S4,S5: Kháng thể thyroglobulin người trong huyết thanh người ở nồng độ xấp xỉ 50, 250, 500, 1.000 và 2.500 IU/mL có < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300	Hộp 4mL+5x2.5m L	Hộp	N1

STT	Tên sản phẩm	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Quy cách tham chiếu	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật theo TT14/2020
14	Chất chuẩn Total βhCG	- Thành phần: S0: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Chứa hCG: S1,S2,S3,S4,S5: hCG ở nồng độ xấp xỉ 6, 35, 195, 620 và 1.350 mIU/mL (IU/L) trong chất nền đệm BSA có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300	Hộp 6x4mL	Hộp	N1
15	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.	Lọ 1x1mL	Lọ	N3
16	Chất chuẩn hybritech PSA	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: PSA trong huyết thanh ở mức xấp xỉ 0,5, 2, 10, 75 và 150 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,7, 8, 58 và 121 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300	Hộp 6x2.5mL	Hộp	N1
17	Hộp que thử xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 11 thông số tự động	Xác định các thông số nước tiểu trên các máy tự động: Bilirubin, Urobilinogen, Ketones (Acetoacetic Acid), Ascorbic acid, Glucose, Protein (Albumin), máu, pH value, Nitrite, Leukocytes và tỷ trọng nước tiểu.	Hộp 150 que	Hộp	N3
18	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK ; dải đo: 10-2000 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC cho CK (NAC), bước sóng 340/660 nM. Thành phần: Immidazole (pH 6.5, 37°C) 100 mmol/L; NADP 2.0 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-acetylcysteine 0.2 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate 0.01 mmol/L; HK ≥4.0 kU/L; G6P-DH ≥ 2.8 kU/L	Hộp 4x44mL+4x8 mL+4x13mL	Hộp	N1
19	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0–171 µmol/L; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L.	Hộp 4x20mL+4x2 0mL	Hộp	N1
20	Định lượng Acid Uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 µmol/L ; phương pháp: Uricase/POD . Thành phần:MADB 0.15 mmol/L;4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase ≥ 5.9 kU/L (98 µkat/L); Uricase ≥ 0.25 kU/L (4.15 µkat/L);Ascorbate Oxidase≥ 1.56 kU/L (26 µkat/L).	Hộp 4x42.3mL+4 x17.7mL	Hộp	N1
21	Hóa chất Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L; phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L;	Hộp 4x51.3mL+4 x17.1mL	Hộp	N3
22	Dung dịch rửa dùng cho xét nghiệm điện giải	Thành phần: Hypochlorite	Bình 450mL	Bình	N3

Tổng số khoản: 22 khoản./.

Phụ lục II

MẪU BÁO GIÁ HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 21/3/2023 của Bệnh viện Quân y 103)

Tên công ty:……..
Địa chỉ:……
SĐT:…..
Email:……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày … tháng … năm ……

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Quân y 103.

Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bảng chào giá hàng hóa như sau:

STT	Tên hàng hóa (tên Tiếng Việt)	Tên thương mại sản phẩm	Mô tả chi tiết, các thông số kỹ thuật của nhà sản xuất	Hãng SX	Nước SX	Quy cách	SĐK, GPNK	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Phân nhóm KT theo TT14 BYT	Đơn giá (Có VAT)	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trúng thầu (nếu có)	Số quyết định hoặc hợp đồng trúng thầu (nếu có)	Dải giá trúng thầu (nếu có)	Giá kê khai	Ghi chú
1																	
2																	
…																	

Giá trên bao gồm …% thuế và các loại chi phí liên quan.
Báo giá có hiệu lực trong vòng … tháng kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

ВЕНА ДІЕЯ СОУМ № 103 * Р. МАЙО Е. ПОС. АЛЕЯ